

Bản án số: 1049/2024/HS-PT  
Ngày 12 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 700/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Khuất Duy Q và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2024/HS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Khuất Duy Q**, sinh năm 1990 tại Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: 25A, Khu phố 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Khuất Duy Hồng và bà Nghiêm Thị Vân; Có vợ tên là Nguyễn Trần Thanh Trúc và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 66/QĐ-UBKT ngày 14/4/2023 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh Đồng Nai; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Xuân P**, sinh năm 1974 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ 6, Khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): **Lớp 9/12**; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân

Thôn (chết) và bà Lê Thị Ngọt (chết); Có vợ tên là Nguyễn Thị Hà và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 136/QĐ-UBKTTU ngày 22/3/2023 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Biên Hòa; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Đặng Đức T**, sinh năm 1973 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 46/12, Khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Lắm (chết) và bà Nguyễn Thị Thừa (chết); Có vợ tên là Nguyễn Thị Thúy Trang (đã ly hôn) và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. **Đặng Vũ Kim H**, sinh năm 2002 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 46/12, Khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Đức Thiện (bị cáo trong vụ án) và bà Nguyễn Thị Thúy Trang; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Phú V**, sinh năm 1990 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: C175, Tổ 2, Khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phú Luyện (chết) và bà Nguyễn Thị Hải; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam được cho ra khỏi Đảng theo Quyết định số 995-QĐ/HU ngày 12/10/2023 của Đảng ủy huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phú V:* Luật sư Đinh Thế Hùng, Văn phòng luật sư Đồng Bào Việt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội – Có mặt;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Khuất Duy Q nguyên là cán bộ Tổ Căn cước công dân của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC 06) Công an tỉnh Đồng Nai, được giao nhiệm vụ phụ trách về kỹ thuật, lọc truyền dữ liệu điện tử và tiếp dân.

Quá trình công tác, Q đã nhận tiền để làm Căn cước công dân (sau đây viết tắt là CCCD) theo yêu cầu, cụ thể như sau:

Khoảng đầu năm 2021, bị cáo Nguyễn Xuân P móc nối với Q để làm CCCD “dịch vụ” cho người dân (gọi là “khách”). Theo thỏa thuận, Q nhận 2.000.000 đồng đối với trường hợp làm nhanh (khoảng từ 05 – 07 ngày sẽ có CCCD) và 500.000 đồng đối với trường hợp làm bình thường. Từ ngày 06/3/2021 đến ngày 08/7/2022, P đã chuyển tiền từ tài khoản số 5913205113187 Ngân hàng Agribank đến tài khoản số 67910000127605 Ngân hàng BIDV của Q tổng cộng 33 lần với tổng số tiền là 117.900.000 đồng. Mỗi trường hợp, ngoài số tiền trả cho Q thì P lấy thêm của “khách” từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng hoặc nếu là người quen thì dẫn P đi ăn uống. Tổng số tiền P hưởng lợi là 24.000.000 đồng.

Cũng khoảng đầu năm 2021, bị cáo Đặng Đức T móc nối với Q để làm CCCD “dịch vụ” cho “khách”. Theo thỏa thuận, Q nhận 2.000.000 đồng đối với trường hợp làm nhanh (khoảng từ 05 – 07 ngày sẽ có CCCD) và 500.000 đồng đối với trường hợp làm bình thường. Đến đầu năm 2022, T rủ thêm con là bị cáo Đặng Vũ Kim H cùng làm. Từ ngày 11/3/2021 đến ngày 28/3/2022, T và H đã 23 lần chuyển vào tài khoản số 67910000127605 Ngân hàng BIDV và tài khoản số 001090037979 Ngân hàng Eximbank của Q với tổng số tiền là 99.900.000 đồng và T đưa tiền mặt cho Q 02 lần là 4.000.000 đồng. Ngoài số tiền trả cho Q thì T lấy thêm của “khách” 700.000 đồng đối với mỗi trường hợp làm nhanh và 200.000 đồng đối với mỗi trường hợp làm bình thường. Tổng số tiền T hưởng lợi là 35.000.000 đồng. T đóng tiền mua xe trả góp cho H (khoảng 03 tháng) số tiền 3.000.000 đồng/tháng và thỉnh thoảng cho H 100.000 đồng đến 200.000 đồng để tiêu xài.

Theo thỏa thuận, sau khi nhận làm CCCD thì T, P chụp ảnh Sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân của “khách” rồi gửi tin nhắn Zalo hoặc Viber của Q để Q kiểm tra. Trường hợp thông tin của “khách” đủ điều kiện cấp CCCD thì Q nói cho P, T cho “khách” đến PC06 Công an tỉnh Đồng Nai và cho số điện thoại của Q để liên hệ, khi vào cổng thì nói là đến gặp Q để lấy hồ sơ và không phải xếp hàng hay làm thủ tục gì khác, mà chỉ đợi Q gọi tên. Q trực tiếp thu nhận thông tin của “khách”, rồi cán bộ khác trong tổ cấp CCCD tiến hành các bước tiếp theo theo quy trình (lấy vân tay, đối chiếu dấu vân tay, chụp ảnh, viết biên lai thu phí...), tiếp đó Q đề xuất Chỉ huy, Lãnh đạo Phòng PC06 chuyển thông tin của “khách” lên Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) Bộ Công an để cấp CCCD. Các trường hợp làm nhanh thì Q chuyển thông tin ngay trong ngày (nếu không kịp thì ngay ngày hôm sau) lên Cục C06. Sau khi Cục C06 trả CCCD thì Q điện thoại cho P, T đến lấy CCCD về giao cho “khách”.

Đầu năm 2022, bị cáo Nguyễn Phú V nhờ Q làm CCCD nhanh vì việc cấp CCCD tại huyện Trảng Bom thường rất chậm hoặc không cấp được. Do đã được Cục C06 tập huấn nên Q biết việc này là do dữ liệu thu nhập thông tin cấp CCCD của Công an huyện Trảng Bom chưa khớp với dữ liệu quốc gia về dân cư do thu sai thông tin, thu sai loại cấp hoặc truyền dữ liệu nhưng chưa lên đến Cục C06. Khi V nhờ thì Q đồng ý và nói với V cứ thu nhận thông tin của “khách” và chuyển lên Cục C06, đồng thời gửi thông tin (mã hồ sơ) cho Q. Sau khi nhận được thông tin từ V thì Q kiểm tra và đối khớp thông tin với dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp sai thông tin đơn giản (như sai thông tin xã đăng ký khai sinh, quê quán, địa chỉ thường trú) thì Q liên hệ Công an phường, xã điều chỉnh lại thông tin; Trường hợp thu sai loại cấp thì Q kêu V thu nhận lại và trường hợp chưa thấy dữ liệu truyền đến cục C06 thì Q kêu V truyền lại dữ liệu. Từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/3/2022, V đã chuyển cho Q 09 lần với tổng số tiền là 35.000.000 đồng. Trong 35 trường hợp thì có một số người quen nên V lấy 1.000.000 đồng/trường hợp để chuyển cho Q, các trường hợp khác thì ngoài số tiền chuyển cho Q, V lấy thêm 500.000 đồng/trường hợp. Tổng số tiền V đã hưởng lợi là 10.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2022, khi T và H đứng trước Trung tâm hành chính công thành phố Biên Hòa để tìm “khách” thì bị Công an phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định từ khoảng tháng 10 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022, Đặng Đức T còn móc nối với một số đối tượng “cò” bao đậu giấy phép xe mô tô, ô tô xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra cấp Huyện nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã tách ra chuyển đến Công an thành phố Biên Hòa để tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm 02 cuốn tập học sinh; 02 USB; 01 đĩa CD;

Các bị cáo nộp tiền như sau: Khuất Duy Q nộp 256.800.000 đồng; Nguyễn Xuân P và gia đình nộp 24.000.000 đồng; Đặng Đức T nộp 33.500.000 đồng; Đặng Vũ Kim H nộp 1.500.000 đồng; Nguyễn Phú V nộp 10.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 2696/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ viết, chữ số trên 02 cuốn tập mà bị can Đặng Vũ Kim H ghi thông tin của người làm CCCD và thi giấy phép lái xe nêu ở phần mẫu cần giám định (A1, A2) so với chữ viết, chữ số trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-P2 ngày 01/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Khuất Duy Q về tội “*Nhận hối lộ*”

theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo: Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H về tội “*Đưa hối lộ*” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Phú V về tội “*Đưa hối lộ*” theo điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2024/HS-ST ngày 19/6/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 213/2024/TB-TA ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:*

- Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Khuất Duy Q phạm tội “*Nhận hối lộ*”. Xử phạt bị cáo Khuất Duy Quang 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân P phạm tội “*Đưa hối lộ*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Phương 03 (*ba*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

Xử phạt bị cáo Đặng Đức T 03 (*ba*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023.

Xử phạt bị cáo Đặng Vũ Kim H 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú V phạm tội “*Đưa hối lộ*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2024, bị cáo Khuất Duy Q, **Đặng Đức T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Cùng ngày 19/6/2024, các bị cáo: Nguyễn Xuân P, Đặng Vũ Kim H và Nguyễn Phú V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Bị cáo Khuất Duy Q thống nhất với tội danh đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù. Bị cáo thấy các trường hợp sai sót thông tin nếu người dân trở về quê để đính chính thông tin thì sẽ mất thời gian và tốn kém nhiều, nên bị cáo mới giúp họ đính chính thông tin để làm căn cước công dân, khỏi phải đi về quê tốn kém, họ gửi tiền cảm ơn thì bị cáo nhận, không nghĩ rằng đó là phạm tội, nhưng sau khi bị khởi tố, được giáo dục thì bị cáo biết là đã phạm tội, bị cáo rất hối hận. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thì bị cáo có xác nhận của Ủy ban nhân dân địa phương về việc hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và nộp thêm 04 bằng khen.

Bị cáo Nguyễn Xuân P thống nhất với tội danh đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo. Bị cáo cũng không ngờ hành vi của mình là phạm tội, bị cáo đang bị bệnh, cha vợ là người có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang nuôi mẹ vợ trên 80 tuổi.

Bị cáo Đặng Đức T thống nhất với tội danh đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù. Bị cáo đã rất ăn năn, hối hận với việc làm của mình.

Bị cáo Đặng Vũ Kim H thống nhất với tội danh đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ đã ly hôn không còn sống chung, bị cáo sống chung với cha thì nay cha bị cáo bị phạt tù, anh hai thì đi làm lao động tự do, chị ba thì có chồng ở bên chồng, còn em út của bị cáo mới học lớp 7, bị cáo đi tù thì không ai chăm sóc em.

Bị cáo Nguyễn Phú V thống nhất với tội danh đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thì sau khi mẹ bị cáo biết sự việc thì suy sụp tinh thần, đổ bệnh, bị cáo là con một, nếu đi tù thì không còn ai chăm sóc cho mẹ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phú V không tranh luận về tội danh và điều luật vì bị cáo không kháng cáo phần này. Chỉ đề nghị xem xét bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả và có huy chương, bằng khen nhưng Bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót, đề nghị áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội với số tiền rất ít, ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết

số 02/2018/NQ-HĐTP năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha chết, mẹ già yếu, bị tai nạn gãy chân, tay cần người chăm sóc, bị cáo là con một, nếu đi tù thì không ai chăm sóc mẹ già, đề nghị khoan hồng, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc mẹ già.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Khuất Duy Q phạm tội “*Nhận hối lộ*” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự; Các bị cáo: Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H phạm tội “*Đưa hối lộ*” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Phú V phạm tội “*Đưa hối lộ*” theo điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng. Tuy bị cáo H là con của bị cáo T, phạm tội do giúp bị cáo T ghi chép vì bị cáo T không rành chữ nghĩa nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị bác kháng cáo của tất cả các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo: Khuất Duy Q, Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H và Nguyễn Phú V đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Từ khoảng đầu năm 2021 đến ngày 26/4/2022, các bị cáo: Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H, Nguyễn Phú V nhận tiền của người dân rồi đưa cho bị cáo Khuất Duy Q để làm Căn cước công dân, để các bị cáo được hưởng lợi. Cụ thể bị cáo P đã đưa cho bị cáo Q 33 lần với tổng số tiền 117.900.000 đồng, P hưởng lợi 24.000.000 đồng; Bị cáo T và bị cáo H đã đưa cho bị cáo Q 25 lần với tổng số tiền 103.900.000 đồng, T hưởng lợi 35.000.000 đồng và chia cho H khoảng 3.000.000 đồng và thỉnh thoảng cho H 100.000 đồng đến 200.000 đồng; bị cáo V đã đưa cho bị cáo Q 09 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, V hưởng lợi 10.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Khuất Duy Q phạm tội “*Nhận hối lộ*” quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự; Các bị cáo: Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H phạm tội “*Đưa hối lộ*” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Phú V phạm tội “*Đưa hối lộ*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

**[3]** Hành vi phạm tội của bị cáo Khuất Duy Q là rất nguy hiểm cho xã hội; Hành vi phạm tội của các bị cáo: Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H, Nguyễn Phú V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm cho cơ quan, tổ chức suy yếu, mất uy tín, gây nên dư luận xấu trong xã hội.

Do tình tiết phạm tội từ 02 lần trở lên đã là tình tiết định khung hình phạt, nên Bản án sơ thẩm đã cân nhắc các bị cáo không có tình tiết tăng nặng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hậu quả của vụ án là hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan, tổ chức nên việc các bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính không phải là tình tiết giảm nhẹ “khắc phục hậu quả” tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mà chỉ chứng tỏ các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy không có căn cứ để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và ý kiến của luật sư.

**[3.1]** Bị cáo Khuất Duy Q nhiều lần nhận hối lộ với tổng số tiền là 256.800.000 đồng, nên bị cáo phạm tội thuộc hai tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha tham gia quân ngũ, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, bị cáo Q được Chủ tịch Nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, có 02 bằng khen của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nhiều giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh, Đảng ủy cơ sở, Ủy ban nhân dân xã, Bản án sơ thẩm có xem xét tình tiết bản thân bị cáo Q có nhiều thành tích trong công tác nhưng lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót nên đã xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, nay có thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

**[3.2]** Bị cáo Nguyễn Xuân P 33 lần đưa hối lộ với tổng số tiền 117.900.000 đồng, bị cáo hưởng lợi 24.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc hai tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, bị cáo P được Đảng bộ, Ủy ban nhân dân phường tặng nhiều giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Bản án sơ thẩm có xem xét tình tiết bản thân bị cáo P có nhiều thành tích trong công tác nhưng lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót nên đã xử phạt bị cáo 03 năm tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, nay có thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Bị cáo phạm tội đến 33 lần, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

**[3.3]** Bị cáo Đặng Đức T 25 lần đưa hối lộ với tổng số tiền 103.900.000 đồng, bị cáo hưởng lợi 35.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc hai tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới, nhưng bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm đã đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù, Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm tù là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

**[3.4]** Bị cáo Đặng Vũ Kim H là con đẻ của bị cáo Đặng Đức T, sống cùng và phụ thuộc vào bị cáo T, phạm tội là do thực hiện theo yêu cầu của bị cáo T; bị cáo H không tham gia năm 2021 mà chỉ tham gia ở năm 2022, được hưởng lợi do bị cáo T cho với số tiền không lớn. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn và đã xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù là tương xứng. Tuy nhiên, bị cáo H là đồng phạm với vai trò không đáng kể, tuổi đời còn rất trẻ, tương lai còn dài; bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội đều với số tiền thuộc trường hợp định khung hình phạt của tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng; có quá trình nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, có thể tự cải tạo bản thân và nếu cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm.

**[3.5]** Bị cáo Nguyễn Phú V 09 lần đưa hối lộ với tổng số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo hưởng lợi 10.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, bị cáo V được Chủ tịch Nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, có 01 kỷ niệm chương của Bộ Trưởng Bộ Công an, 01 giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh, Bản án sơ thẩm có xem xét tình tiết bản thân bị cáo V có nhiều thành tích trong công tác nhưng lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót nên đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, nay có thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo V là cán bộ công an, đã lợi dụng vào chức vụ của mình để trục lợi, nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

**[4]** Từ các phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Khuất Duy Q, Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H, Nguyễn Phú V, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

**[5]** Các bị cáo: Khuất Duy Q, Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H, Nguyễn Phú V được chấp nhận kháng cáo nên đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**[6]** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2.** Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Khuất Duy Q, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân P và bị cáo

Nguyễn Phú V; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2024/HS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về hình phạt đối với các bị cáo;

**2.1.** Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Khuất Duy Q phạm tội “Nhận hối lộ”;

Xử phạt bị cáo **Khuất Duy Q** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023.

**3.2.** Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân P phạm tội “Đưa hối lộ”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân P** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023.

**3.3.** Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Đặng Đức Thiện phạm tội “Đưa hối lộ”;

Xử phạt bị cáo **Đặng Đức T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 15/3/2023 đến ngày 10/8/2023.

**3.4.** Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Đặng Vũ Kim H phạm tội “Đưa hối lộ”;

Xử phạt bị cáo **Đặng Vũ Kim H** 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 12/11/2024.

Giao bị cáo Đặng Vũ Kim H cho Ủy ban nhân dân phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đặng Vũ Kim H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo Đặng Vũ Kim H có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Đặng Vũ Kim H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3.5.** Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 364; điểm s, **v** khoản 1, khoản 2 Điều 51; **khoản 1 Điều 54**; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú V phạm tội “Đưa hối lộ”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phú V** 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**4.** Các bị cáo: Khuất Duy Q, Nguyễn Xuân P, Đặng Đức T, Đặng Vũ Kim H, Nguyễn Phú V đều không phải án phí hình sự phúc thẩm.

**5.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**